

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ LHA VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ LHA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LHA VIET NAM INTERNATIONAL SERVICE TRADE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LHA VIET NAM INTERNATIONAL SERVICE TRADE CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108172798

3. Ngày thành lập: 02/03/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Tê Quả, Xã Tam Hưng, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
2.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
3.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
4.	Sản xuất giày dép	1520
5.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
6.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
7.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
8.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
9.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
10.	In ấn	1811
11.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
12.	Sao chép bản ghi các loại	1820
13.	Sản xuất than cốc	1910
14.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
15.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
16.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
17.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
18.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
19.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
20.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
21.	Bán buôn gạo	4631
22.	Bán buôn thực phẩm	4632

23.	Bán buôn đồ uống	4633
24.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
25.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
26.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
27.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
28.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
29.	Quảng cáo	7310
30.	Cho thuê xe có động cơ	7710
31.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
32.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
33.	Đại lý du lịch	7911
34.	Điều hành tua du lịch	7912
35.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
36.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
37.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
38.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
39.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
40.	Dịch vụ đóng gói	8292
41.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
42.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
43.	Khai thác gỗ	0221
44.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
45.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
46.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
47.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
48.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
49.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
50.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
51.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
52.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
53.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
54.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
55.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
56.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103

57.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
58.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
59.	Sản xuất sợi	1311
60.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
61.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
62.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
63.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
64.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
65.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
66.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
67.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
68.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
69.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
70.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
71.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
72.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
73.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
74.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
75.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
76.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
77.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
78.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
79.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
80.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
81.	Thu gom rác thải độc hại	3812
82.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
83.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
84.	Xây dựng nhà các loại	4100
85.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
86.	Xây dựng công trình công ích	4220
87.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
88.	Phá dỡ	4311
89.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
90.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
91.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322

92.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
93.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
94.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
95.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4511
96.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đầu giá)	4512
97.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) Đại lý xe có động cơ khác	4513
98.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
99.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4530
100.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy Bán lẻ mô tô, xe máy Đại lý mô tô, xe máy	4541
101.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
102.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn các loại phụ tùng, bộ phận, linh kiện rời của mô tô, xe máy như: săm, lốp, cốp, yếm xe, ắc quy, bugi, đèn, các phụ tùng điện	4543
103.	Đại lý, môi giới, đầu giá Chi tiết: Đại lý	4610
104.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
105.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
106.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641(Chính)
107.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649

108.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
109.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
110.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
111.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	4659
112.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
113.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng)	4662
114.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
115.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn cao su	4669
116.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
117.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
118.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
119.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
120.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
121.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
122.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
123.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
124.	Bốc xếp hàng hóa	5224
125.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
126.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631

127.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay, - Giao nhận hàng hóa;	5229
128.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
129.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ	6492
130.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
131.	Sản xuất đường	1072
132.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
133.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
134.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
135.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
136.	Sản xuất rượu vang	1102
137.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
138.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
139.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
140.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
141.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
142.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
143.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
144.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420

6. Vốn điều lệ: 500.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: ĐỖ THỊ HÒA

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 03/04/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 030175002879

Ngày cấp: 04/05/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tê Quả, Xã Tam Hưng, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Tê Quả, Xã Tam Hưng, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐỖ THỊ HÒA

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/04/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 030175002879

Ngày cấp: 04/05/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tê Quả, Xã Tam Hưng, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Tê Quả, Xã Tam Hưng, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội